TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/12/2021
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào Vi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy;

2. Bà Hoàng Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (Số 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1993; Địa chỉ: 23/43 Trần Hưng Đạo, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T; sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: 14 Hùng Vương, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ liên lạc: 20/2 Phan Bội Châu, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện ở tại: 121 Kim Ngưu, quận H, thành phố H, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2021, bản tự khai ngày 09/6/2021 của anh Nguyễn Viết T và bản tự khai của chị Nguyễn Thanh T ngày 02 tháng 7 năm 2021 cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của anh Nguyễn Viết T tại phiên tòa đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 25/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhà bố

mẹ anh T tại 23/43 Trần Hưng Đạo, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Chị T thiếu quan tâm đến con cái, gia đình và vợ chồng không còn yêu thương, đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T gửi đơn xin được ly hôn với chị T. Về phía chị T trình bày: Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh T bắt ép chị phải ly hôn để anh T làm giấy tờ đi Mỹ, ngoài ra anh T còn ngoại tình. Bản thân chị T cũng mong muốn hàn gắn tình cảm, nhưng hiện tại mỗi người một nơi không thể hàn gắn được. Nay anh T xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T xác nhận, vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Viết An N, sinh ngày 17/4/2014; Nguyễn Viết An N1, sinh ngày 28/7/2015 và Nguyễn An N, sinh ngày 19/8/2019. Hiện nay cháu An N và An N1 đang ở với anh T còn cháu An N đang ở với mẹ ruột của chị T. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Viết An Nghĩa và Nguyễn Viết An Nhiên cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, giao cháu Nguyễn An Nhiên cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh T, chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T xác nhận có nợ của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á số tiền tổng cộng: 38.000.000 đồng. Anh T và chị T thỏa thuận mỗi người trả một nửa và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ của Ngân hàng TMCP Đông Á anh T đã tất toán khoản nợ và phía ngân hàng TMCP Đông Á đã có văn bản gửi Tòa án xác nhận bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Viết T đã hoàn tất nghĩa vụ tín dụng tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0092604301T17107 ngày vay 02/8/2017 ngày đến hạn 02/8/2019. Đối với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế có công văn số 692 ngày 17 tháng 8 năm 2021 trả lời cho Tòa án là chưa có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với khoản nợ của bà T tại Ngân hàng.

- Ý kiến của bà Huỳnh Thị Mỹ L, đại diện gia đình anh T trình bày: Vợ chồng anh T, chị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đã có 03 con chung như vợ chồng trình bày nêu trên. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau, chị T làm dâu nhưng thiếu tôn trọng bố mẹ chồng, chị T ra Hà Nội làm ăn và giao hai con là các cháu Nguyễn Viết An Nghĩa, sinh ngày 17/4/2014; Nguyễn Viết An Nhân, sinh ngày 28/7/2015 cho anh Thắng nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 19/8/2019 thì chị T giao chọ mẹ chị T chăm sóc. Nay hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, anh Thắng có đơn xin ly hôn chị T thì đề nghị Toà án chấp

nhận đơn của anh Thắng vì gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

- Ý kiến của bà Châu Thị Hải, đại diện gia đình chị T trình bày: Vợ chồng anh Thắng, chị T chung sống với nhau hợp pháp được pháp luật công nhận, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị T đi làm ăn ở Hà Nội, vợ chồng sống với nhau không hợp thì chia tay. Đơn tự khai chị T gửi Toà án là đúng chữ ký của chị Nguyễn Thanh T, do dịch bệnh Covid và đi làm ăn xa không thể về Huế được, đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.Về con chung thì vợ chồng có 03 con chung như anh Thắng, chị T trình bày là đúng, hiện nay cháu An N do bà Hải nuôi dưỡng, chị T đi làm gửi tiền và nuôi dưỡng cháu An N. Đối với các giấy tờ của Toà án gửi thì bà Hải cam đoan sẽ thông báo và gửi cho chị T.

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã gửi giấy triệu tập cũng như Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 20/7/2021; ngày 06/8/2021; ngày 16/11/2021 cho chị Nguyễn Thanh T, tuy nhiên chị T đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/11/2021.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ch đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký, các bên đương sự đều chấp nhành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì cần khắc phục.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014; Nghi quyết số 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Viết T, cho anh T được ly hôn với chị T; Công nhận sự thoả thuận của anh Thắng và chị T giao hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Viết An N và Nguyễn Viết An N1 cho anh T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Nguyễn An Nhiên cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung, không ai đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét; Buộc anh Thắng phải chịu án phí là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thanh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T xác nhận chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của anh T, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của anh T, chị T, lời khai của đại diện gia đình hai bên, kết quả điều tra, xác minh thu thập chứng cứ có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không còn yêu thương quan tâm đến nhau. Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhằm hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T không đến Tòa án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bản thân chị T cũng muốn ly hôn với anh T nhưng do điều kiện chị đi làm ăn xa, dịch covid nên chị T không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh T. Nhận thấy vợ chồng anh T, chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Thắng được ly hôn với chị T là phù hợp pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và anh T và chị T cũng thỏa thuận giao hai cháu Nguyễn Viết An N và Nguyễn Viết An N1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Nguyễn An N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nghĩa. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận ý kiến thoả thuận của anh Thắng, chị T giao hai cháu Nguyễn Viết An N và Nguyễn Viết An N1 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; Giao cháu Nguyễn An N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tiễn cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết và không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Viết T được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao hai cháu Nguyễn Viết An N, sinh ngày 17/04/2014 và Nguyễn Viết An N1, sinh ngày 28/7/2015 cho anh Nguyễn Viết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến tuổi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nghĩa; giao cháu Nguyễn An Nhiên, sinh ngày 19/8/2019 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5**.** Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2016/0002544 ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CCTHADS thành phố H;
- UBND phường P
, TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào Vi